

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 01/2020/DS-ST

Ngày 26/8/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Hùng
2. Ông Phạm Văn Nhất

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tiến - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Dụ – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại Trụ Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 04/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1984

Căn cước công dân số: 038184017974; cấp ngày 21/6/2019; Nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Trú tại: Khu 4, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Tiến T, Sinh năm 1982.

Trú tại: Phố Hồi Xuân, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai; tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Hoàng Thị T trình bày:

Do quan hệ quen biết, nên ngày 06/6/2018, anh Nguyễn Tiến T đã vay của chị số tiền mặt là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn), mục đích anh T vay tiền để phục vụ công việc của cá nhân. Thời hạn vay là 01 (Một) tháng, đến ngày 06/7/2018 anh T phải thanh toán đầy đủ cho chị. Lãi xuất do hai bên thỏa thuận là 02%/ tháng.

Việc vay mượn đã được lập thành hợp đồng, có chữ ký của chị và anh Nguyễn Tiến T.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 09/7/2018 thì anh Nguyễn Tiến T đã trả cho chị số tiền gốc là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng chẵn), anh T còn nợ lại số tiền gốc là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng chẵn). Chị đã nhiều lần đến hỏi anh T nhưng anh T vẫn chưa trả gốc và lãi cho chị.

Tại đơn khởi kiện chị có yêu cầu anh T phải trả đủ số tiền gốc còn nợ chị và số tiền lãi, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa thì chị không yêu cầu anh Nguyễn Tiến T phải trả số tiền lãi cho chị nữa, chỉ yêu Tòa án buộc anh Nguyễn Tiến T phải trả cho chị đủ số tiền gốc anh Tuấn còn nợ là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng chẵn). Hình thức trả tiền: Trả một lần.

Án phí buộc bị đơn Nguyễn Tiến T phải chịu.

Tại bản tự khai; Biên bản ghi lời khai và Biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Tiến T trình bày: Anh thừa nhận có vay của chị Hoàng Thị T số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn) vào ngày 06/6/2018, anh vay để giải quyết việc của cá nhân, chứ không phải vay lo việc gia đình. Thời hạn vay là 01 tháng. Lãi xuất hai bên thỏa thuận miệng là lãi ngày, nhưng anh không nhớ cụ thể là bao nhiêu. Ngày 09/7/2018 thì anh đã trả được 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng chẵn) tiền gốc, hiện nay anh còn nợ lại là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng chẵn) tiền gốc. Khi trả nợ lần đầu thì chị T đồng ý cho anh gia hạn hợp đồng, gia hạn bằng miệng. Anh hứa sẽ trả nợ đầy đủ số tiền còn nợ cho chị T, nhưng hiện nay gia đình đang khó khăn, nên anh muốn trả nợ dần cho chị T, mỗi tháng anh trả 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi hết số nợ, thời gian trả nợ sẽ từ tháng 8/2020.

Anh Nguyễn Tiến T đồng ý chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên hòa giải thì hai bên đã thống nhất được số tiền nợ, thống nhất không tính lãi xuất; thống nhất được bị đơn sẽ chịu án phí; nhưng không thống nhất được phương thức trả nợ.

Tại phiên tòa: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Tiến T không thay đổi nội dung đã thỏa thuận trước đó. Chị Hoàng Thị T đưa ra ý kiến, cho anh Nguyễn Tiến T trả góp mỗi tháng 3.000.000^d (Ba triệu đồng chẵn) cho đến khi hết số nợ, thời gian trả tính từ tháng 9 năm 2020, anh Nguyễn Tiến T đồng ý trả góp mỗi tháng, nhưng chỉ trả được mỗi tháng 2.000.000^d (Hai triệu đồng chẵn), thời gian từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi hết số nợ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa trình bày quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật như xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tranh chấp; đúng tư cách tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ; thủ tục thụ lý vụ án; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký

tuân theo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng luôn chấp hành tốt, đúng quy định tại điều 70, điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự;

Trên cơ sở nội dung vụ án đã được làm rõ trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX căn cứ:

- Khoản 2 điều 21; khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 280; điều 282; điều 357; điều 466; điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 1 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b tiểu mục 1.3 mục II danh mục án phí lệ phí.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Hoàng Thị T. Buộc anh Nguyễn Tiến T phải trả cho chị Hoàng Thị T số tiền là 16.000.000^d (Mười sáu triệu đồng chẵn); Hình thức trả nợ: Mỗi tháng anh Nguyễn Tiến T phải trả cho chị Hoàng Thị T số tiền 3.000.000^d (Ba triệu đồng chẵn), chậm nhất là ngày 20 hàng tháng. Thời gian tính từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi hết số nợ.

Lãi xuất chị Thẩm không yêu cầu, nên không xét.

Án phí và kháng cáo: Buộc anh Nguyễn Tiến T phải chi án phí dân sự có giá ngạch là 800.000^d (Tám trăm nghìn đồng chẵn). Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Hoàng Thị T. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tranh chấp giữa chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Tiến T là tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với “Hợp đồng vay tiền mặt” ngày 06/6/2019, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa và được quy định tại khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, các đương sự đã làm bản tự khai nêu lên quan điểm và yêu cầu của mình. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải những vấn đề mà các bên đương sự yêu cầu, nhưng các đương sự không thống nhất được hướng giải quyết vụ án. Do vậy, ngày 05/8/2020, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Căn cứ điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Hoàng Thị T là Nguyên đơn; anh Nguyễn Tiến T là bị đơn; Các đương sự luôn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của mình, từ khi thụ lý vụ án, cung cấp tài liệu chứng cứ, viết lời khai, ghi lời khai; công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, được quy định tại điều 70, điều 71, điều 72, điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung tranh chấp và thời hiệu khởi kiện*: Ngày 06/6/2018 anh Nguyễn Tiến T đã viết giấy và ký nhận giấy vay tiền với chị Hoàng Thị T số tiền là 30.000.000^d (Ba mươi triệu đồng chẵn), thời hạn trả nợ là 01 tháng kể từ ngày vay, không thể hiện việc thế chấp, không thể hiện lãi suất, hợp đồng có nội dung rõ ràng, người vay ký nhận hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối. Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 09/7/2018 thì anh Nguyễn Tiến T đã trả được cho chị Hoàng Thị T số tiền là 14.000.000^d (Mười bốn triệu đồng chẵn), anh T còn nợ chị T số tiền là 16.000.000^d (Mười sáu triệu đồng chẵn) chị T đã yêu cầu anh T trả hết số tiền này, tính đến ngày xét xử vụ án, anh T vẫn không trả. Căn cứ điều 149, điều 150, điều 357, điều 429, điều 463, điều 466, điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thời hiệu khởi kiện trong thời hiệu luật định.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T*: Đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Tiến T phải thanh toán số tiền gốc là 16.000.000^d (Mười sáu triệu đồng chẵn) và không tính lãi suất. Quá trình giải quyết, hòa giải thì các bên đã thống nhất được số nợ, thống nhất không tính lãi xuất, nhưng không thỏa thuận được về phương thức trả nợ. Nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi của chị Hoàng Thị T, buộc anh Nguyễn Tiến T phải trả số tiền gốc cho chị T là 16.000.000^d (Mười sáu triệu đồng chẵn); chị rút yêu cầu về tính lãi suất, căn cứ điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, thì HĐXX chấp nhận.

[4] *Xét đề nghị của anh Nguyễn Tiến T*: Anh thừa nhận về số nợ hiện nay đang nợ chị Hoàng Thị T, việc anh trình bày là chị T cho vay tính lãi xuất hàng ngày, có cho gia hạn hợp đồng, nhưng anh đã không chứng minh được. Quá trình giải quyết vụ án anh đề nghị được trả dần mỗi tháng 2.000.000^d (Hai triệu đồng chẵn), nhưng chị T không đồng ý. Như vậy, anh đã thừa nhận chị được ký vào giấy vay nợ là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc chị và hiện tại anh đang nợ chị T là 16.000.000^d (Mười sáu triệu đồng chẵn), đến nay anh chưa trả đủ số tiền này cho chị T. Vì vậy, HĐXX buộc anh phải có trách nhiệm trả lại số tiền anh còn nợ cho chị Hoàng Thị T.

[5] *Tại phiên Tòa*: Chị Hoàng Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Tiến T phải trả đầy đủ số tiền gốc đã vay còn lại là 16.000.000^d (Mười sáu triệu đồng chẵn) và không tính lãi suất, cho anh T trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 3.000.000^d (ba triệu đồng). Như vậy, căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T, các tài liệu chứng các đương sự cung cấp và hòa giải, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Việc anh Nguyễn Tiến T còn nợ số tiền 16.000.000^d (Mười sáu triệu đồng chẵn) của chị Hoàng Thị T là thực tế. Cho nên, buộc anh Nguyễn Tiến T phải có trách nhiệm trả cho chị Hoàng Thị T số tiền gốc là 16.000.000^d (Mười sáu triệu đồng chẵn đồng chẵn);

Tại phiên tòa hôm nay, chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Tiến T đã một lần nữa thống nhất được số nợ, chị T đồng ý cho anh T trả nợ dần hàng tháng, chậm nhất là ngày 20 hàng tháng anh T phải trả nợ và thống nhất được anh T là người chịu án phí sơ thẩm. Nhưng các đương sự không thống nhất được số tiền trả nợ hàng tháng (Anh T ý

kiến trả mỗi tháng 2.000.000^d (Hai triệu đồng chẵn), chị T yêu cầu trả mỗi tháng 3.000.000^d (Ba triệu đồng chẵn), thời gian tính từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi hết số nợ).

Chị Hoàng Thị T không yêu cầu lãi xuất, nên HĐXX không xét.

[6] *Về án phí; kháng cáo và kháng nghị:* Anh Nguyễn Tiến T là người vi phạm hợp đồng và anh tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Chị Hoàng Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 2 điều 92; khoản 3 điều 144; điều 146; khoản 1 điều 147; điều 184; điều 185, điều 244; điều 271, điều 272, điều 273 và điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 149; điều 150; điều 280; điều 282; điều 351; điều 357; điều 373; điều 429; điều 463; điều 466; điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điểm b khoản 1 điều 24; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T.

1. Buộc anh Nguyễn Tiến T phải trả cho chị Hoàng Thị T số tiền gốc còn nợ là 16.000.000^d (Mười sáu triệu đồng); Phương thức trả nợ: Mỗi tháng anh Nguyễn Tiến T phải trả cho chị Hoàng Thị T số tiền 3.000.000^d (Ba triệu đồng chẵn), chậm nhất là ngày 20 hàng tháng. Thời gian tính từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi hết số nợ.

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với số tiền số tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự ”.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu của chị Hoàng Thị T về việc yêu cầu anh Nguyễn Tiến T phải phải chịu lãi xuất do Ngân hàng Nhà nước quy định đối với với số tiền gốc đã vay chậm trả.

3. Án phí: Buộc anh Nguyễn Tiến T phải nộp 800.000^d (Tám trăm nghìn đồng chẵn) phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại chị Hoàng Thị T số tiền tạm ứng án phí 400.000^d (Bốn trăm nghìn đồng chẵn) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện

Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/0004304, ngày 11 tháng 5 năm 2020.

“Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật anh Nguyễn Tiến Tuấn phải thi hành án số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

4. Kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai, có mặt nguyên đơn và bị đơn;. Nguyên đơn và bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA, TAND T. Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân T. Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Quan Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Quan Hóa;
- Nguyên đơn Hoàng Thị T;
- Bị đơn Nguyễn Tiến T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Dũng

